TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 26-3-2021.
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thanh

Ông Võ Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số 24/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Kim C

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh H. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn H. Văn phòng luật sư Nguyễn Văn H – Đoàn luật sư thành phố C. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phước L

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh H. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Kim P

Địa chỉ: Số V, đường X, khu dân cư B, phường A, quận N, thành phố C. Vắng mặt

2/ Bà Nguyễn Thị Kim S

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp của bà S: Bà Nguyễn Kim C. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh H. Là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim S. Có mặt

3/ Bà Nguyễn Thị L1

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh H. Có mặt

4/ Bà Nguyễn Thị Kim L2

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh H. Có mặt

5/ Ông Nguyễn Văn M.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh H. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà bà Nguyễn Kim C trình bày: Cha bà là ông Nguyễn Văn T có phần đất diện tích là 1.229m^2 thuộc thửa 796, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh H, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000481 cấp ngày 09/12/1994 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cũ cấp cho ông Nguyễn Văn T đứng tên sử dụng. Năm 2007 cha bà chết thì bà trực tiếp sử dụng phần đất, đến năm 2017 ông Nguyễn Phước L đã Cếm đoạt phần đất có diện tích khoảng 274,2m^2 và xây cất nhà trên phần đất này, bà có trình báo địa phương giải quyết nhưng ông L vẫn chiếm ở cho đến nay. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải tháo dỡ, di dời nhà cửa để trả lại cho bà phần đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích là 216m^2, thuộc thửa 769, tờ bản đồ số 03 cho bà và các chị em bà là bà L1, bà L2, bà S được quản lý, sử dụng.

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa anh Nguyễn Phước L trình bày: Từ lúc còn nhỏ anh đã sống chung với ông nội tên Nguyễn Văn T, đến khi anh được 17 tuổi thì cô anh là Nguyễn Kim C đã đuổi anh ra khỏi nhà không cho ở chung. Sau đó vài năm anh có qua phần đất mà cha anh là Nguyễn Văn M được ông nội Nguyễn Văn T cho và cất nhà để ở. Hiện tại căn nhà anh đang ở là phần đất do cha anh đang sử dụng, anh không có Cếm đất của bà Nguyễn Kim C. Vì vậy việc bà C yêu cầu ông tháo dỡ và di dời căn nhà để trả lại đất cho bà C thì anh không thống nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Kim L2, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Kim S trình bày thống nhất: Cha bà là ông Nguyễn Văn T đã chết vào năm 2007 có để lại phần đất thuộc thửa 769 là di sản thừa kế của chị em bà, đến năm 2017 thì ông Nguyễn Phước L xây nhà lấn Cếm phần đất có diện tích 216m^2 theo kết quả đo đạc thực tế của Tòa án. Do đó các bà có làm đơn yêu cầu độc lập và yêu cầu ông L phải tháo dỡ, di dời nhà để trả lại phần đất cho các chị em bà được sử dụng.

Ông Nguyễn Văn M trình bày: Vào năm 1978 ông được cha là Nguyễn Văn T cho phần đất có diện tích khoảng 1.500m^2. Đến năm 1983 thì ông cất nhà ở và quản lý sử dụng cho đến nay, hiện phần đất này vẫn do cha ông là ông Nguyễn Văn T đứng tên chủ sử dụng. Khi con ông là Nguyễn Phước L được 17 tuổi thì bà Nguyễn Kim C đuổi ra khỏi nhà không cho ở chung với cha ông. Sau đó L lấy vợ, thấy vậy ông có kêu L về phần đất mà cha ông đã cho ông để cất nhà ở từ năm 2014, hiện phần đất này và phần đất trước đây bà C, bà L2 tranh chấp với ông vẫn do ông đang quản lý và sử dụng từ năm 1978 cho đến nay. Nay bà C khởi kiện yêu cầu con ông trả lại cho bà C phần đất là không có căn cứ và ông yêu cầu Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ như lời khai và yêu cầu trước đây. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim L2, Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Kim C là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim S giữ nguyên yêu cầu độc lập, ông Nguyễn Văn M không có yêu cầu gì khác, bà Nguyễn Kim P vắng mặt nên không phát biểu yêu cầu nào mới.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Nguyên ông T là cha bà C chết để lại di sản là phần đất có diện tích 1.229m^2 thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế của ông T gồm bà C, bà L2, bà S, bà P, bà L1 và ông M. Việc ông L lấn Cếm phần đất có diện tích 216m^2 và cất nhà để ở đã làm ảnh hưởng đến việc thừa kế phần di sản này. Vì vậy bà C khởi kiện yêu cầu ông L trả lại phần đất cho các đồng thừa kế của ông T để các đồng thừa kế thực hiện việc phân chia theo quy định pháp luật là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Do nguyên đơn bà C khi tranh chấp tại Ủy ban nhân dân xã chỉ yêu cầu ông L trả lại phần đất có diện tích 160m^2 nhưng khi thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án thì bà yêu cầu phải trả lại phần đất có diện tích 274m^2 là vượt quá yêu cầu khởi

kiện. Tuy bà C, bà L1, bà L2 cùng có yêu cầu trả hồ sơ về Uỷ ban xã để thực hiện hòa giải lại theo quy định nhưng xét thấy việc tranh chấp giữa các bên đã kéo dài từ nhiều năm và phía bị đơn ông L có ý kiến không thể hòa giải được với nguyên đơn về việc giao trả lại phần đất nên việc có trả hồ sơ về Uỷ ban xã để hòa giải lại cũng không giải quyết được vụ án và ông cũng không muốn tiếp tục hòa giải mà yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án và để tránh làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của những người khác trong vụ án nên xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ về hòa giải lại mà đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Kim P vẫn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu ông Nguyễn Phước L phải tháo dỡ, di dời và trả lại phần đất cho các bà. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Kim P. Án phí, chi phí tố tụng buộc đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Đối tượng tranh chấp trong vụ án là bất động sản tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh H. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về việc yêu cầu trả hồ sơ để hòa giải lại: Xét lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều yêu cầu Tòa án trả hồ sơ về Uỷ ban nhân dân xã T để hòa giải lại đối phần yêu cầu vượt quá đơn khởi kiện ban đầu của bà Nguyễn Kim C, ông L thì không thống nhất và khẳng định ông không thể hòa giải được với bà C, bà L1, bà L2 tại Uỷ ban nhân dân xã nên có trả về hòa giải lại ông cũng không thỏa thuận được và có yêu càu Tòa án xem xét tiếp tục xét xử vụ án. Sau khi nghe ý kiến của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa Hội đồng xét xử xét thấy việc trả hồ sơ về Uỷ ban xã hòa giải lại đối với phần yêu cầu vượt quá là cần thiết nhưng thực tế vẫn không giải quyết được vấn đề vụ án, phía bị đơn khẳng định không thể thảo thuận hay hòa giải được với phía nguyên đơn, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan nên yêu cầu Tòa án tiếp tục xem xét để tránh làm mất thời gian, công sức và để tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án nên Hôi đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án.

[4]. Về xét xử xử vắng mặt. Bà Nguyễn Kim P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Đối với yêu cầu tháo dỡ, di dời nhà và trả lại phần đất của nguyên đơn bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1, bà L2, bà S. Toà xét thấy: Về nguồn gốc phần đất tranh chấp cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn T đã chết để lại. Bà C, bà L1, bà L2, bà S cho rằng phần đất này là di sản thừa kế mà ông T đã để lại cho các chị em bà nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị em bà.

Tại bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A và bản án phúc thẩm số 134/2018/DS-PT ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà C, bà L2 và ông Nguyễn Văn M trước đây đã xác định Tờ di chúc của ông Nguyễn Văn T là không hợp pháp và xác định phần đất có diện tích 1.229m^2 thuộc thửa 769, tờ bản đồ số 08 là phần di sản mà ông T chết để lại chưa Ca thuộc các đồng thừa kế gồm bà C, bà L1, bà L2, bà S, bà P và ông M, Tòa án đã nhiều lần hướng dẫn, giải thích cho bà C về việc khởi kiện thừa kế để xác định phần tài sản mà các đồng thừa kế được hưởng nhưng bà C không thống nhất mà bà lại khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông M.

Đối với phần diện tích đất 216m^2 ông L đang sử dụng nằm trong tổng diện tích 1.229m^2 di sản của ông T để lại chưa chia, hiện do ông L cùng với cha ông là Nguyễn Văn M đang trực tiếp quản lý. Bà C, bà L1 bà S và ông M là những người thuộc hàng thừa kế được hưởng di sản và đang sinh sống trên phần đất thuộc di sản thừa kế của ông T, nên việc bà C, bà L1, bà S cùng với bà L2 yêu cầu ông L giao trả lại phần đất cho 04 chị em bà quản lý là chưa đủ cơ sở vì chưa có sự đồng ý từ các đồng thừa kế khác là ông M và bà P. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của bà C và yêu cầu độc lập của bà L1, bà L2, bà S không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2]. Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Kim P, trước đây bà có yêu cầu độc lập và cùng với bà C, bà L, bà L1, bà S có yêu cầu ông L tháo dỡ di dời trả lại phần đất cho các chị em bà nhưng quá trình tố tụng và tại phiên tòa ngày hôm nay bà P vắng mặt và chưa thể hiện ý kiến về việc có tiếp tục yêu cầu ông L phải giao

trả lại phần đất hay không. Việc bà P có yêu cầu độc lập nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của bà.

[3] Đối với phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tài phiên tòa xét thấy có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Đối với đề nghị của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xét thấy chưa đủ căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Buộc các đương sự nộp theo quy định.

[5]. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bà Nguyễn Kim C phải chịu do yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 616, 618 Bộ luật dân sự.

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Kim L2, Nguyễn Thị Kim S về việc yêu cầu ông Nguyễn Phước L phải tháo dỡ, di dời nhà và trả lại phần đất cho các chị em bà.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Kim P về việc yêu cầu ông Nguyễn Phước L phải tháo dỡ, di dời nhà và trả lại quyền sử dụng đất.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Kim C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 00018602 ngày 17/12/2018 tại Chi cục Thị hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Bà C không phải nộp thêm.

Buộc bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Kim L2, bà Nguyễn Thị Kim S mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do yêu cầu độc lập không được chấp nhận. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L1, bà L2, bà S đã nộp theo biên lai thu số 0018930, 0018929, 0018931 ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thị hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Bà L1, bà L2, bà S không phải nộp thêm.

Số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Kim P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018932 ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thị hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang được sung vào Ngân sách nhà nước.

4. C phí đo đạc, thẩm định giá: Buộc bà Nguyễn Kim C phải chịu 3.700.000 (Ba triệu bảy trăm nghìn) đồng. Số tiền này bà C đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/3/2021. Riêng bà Nguyễn Kim P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Mẫn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang.
- VKSND huyện Châu Thành A
- C cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.